

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN LPBANK  
LPBANK SECURITIES  
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No: 494/2026/BC-LPBS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2026  
Ho Chi Minh City, August 20, 2026

**BÁO CÁO/REPORT**  
**KẾT QUẢ PHÂN PHỐI CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM**  
**RESULTS OF THE DISTRIBUTION OF COVERED WARRANTS**

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm số 364/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/08/2026)

(Certificate of registration for offering covered warrants No. 364/GCN-UBCK issued by the Chairman of the State Securities Commission on 11/08/2026)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
To: State Securities Commission

Tên tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán LPBank

Name of issuing organization: LPBank Securities Joint Stock Company

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Cao ốc văn phòng 257 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hoà, TP. Hồ Chí Minh

Head office address: 4<sup>th</sup> Floor, 257 Dien Bien Phu Office Building, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City

Số điện thoại/Phone number: (028)7309 8198 Số Fax/Fax number: (028)3514 6799

Tên, địa chỉ tổ chức bảo lãnh phát hành (nếu có): Không có

Name and address of the underwriting organization (if any): None

**I. Thông tin về chứng quyền có bảo đảm phát hành/Information about the issued covered warrants**

**1. Thông tin về chứng quyền có bảo đảm/Information about covered warrants**

- Tên chứng quyền: **Chứng quyền VIC/LPBS/Call/EU/Cash/9M/42**
- Name of the covered warrant: **VIC/LPBS/Call/EU/Cash/9M/42 Covered Warrant**
- Mã chứng quyền có bảo đảm (trường hợp thông báo phát hành bổ sung): Không có
- Code of covered warrant (in case of supplementary issuance announcement): None
- Tên (mã) chứng khoán cơ sở: **VIC**
- Name (code) of the underlying security: **VIC**
- Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: **Tập đoàn Vingroup - Công ty cổ phần**
- Issuer of the underlying securities: **Vingroup Joint Stock Company**
- Loại chứng quyền: **Chứng quyền Mua**
- Type of warrant: **Call Warrant**



- Kiểu chứng quyền: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
- *Type of exercise: A warrant under which the warrant holder may exercise the rights only on the expiry date*
- Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (Việt Nam đồng)
- *Settlement Method: Cash-settled warrant (VND)*
- Thời hạn: **9 tháng**
- *Duration: 9 months*
- Ngày đáo hạn: 14/05/2027
- *Expiration date: May 14, 2027*
- Tỷ lệ chuyển đổi: **10:1**
- *Conversion ratio: 10:1*
- Giá thực hiện: **250.000 đồng**
- *Exercise price: VND 250,000*
- Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: 15.000.000.000 đồng
- *Value of Settlement Collateral: VND 15,000,000,000*

## 2. Thông tin đợt chào bán/*Information on the offering*

- Ngày bắt đầu chào bán: 14/08/2026
- *Start date of sales: August 14, 2026*
- Ngày hoàn thành phân phối: 19/08/2026
- *Date of completion of distribution: August 19, 2026*
- Thời gian nhận đăng ký mua: Từ 09 giờ 00 ngày 14/08/2026 đến 12 giờ 00 ngày 19/08/2026.
- *Registration period for purchase: From 09:00 am on August 14, 2026 to 12:00 am on August 19, 2026.*
- Ngày thanh toán tiền mua chứng quyền: Từ 09 giờ 00 ngày 14/08/2026 đến 12 giờ 00 ngày 19/08/2026.
- *Payment date for warrants: From 09:00 am on August 14, 2026 to 12:00 am on August 19, 2026.*
- Ngày kết thúc chuyển giao chứng quyền: 19/08/2026
- *Date of completion of warrant transfer: August 19, 2026*

## II. Kết quả phân phối chứng quyền có bảo đảm/*Results of the distribution of covered warrants*

| Đối tượng mua chứng quyền<br><i>Buyers of warrants</i>                         | Giá chào bán (đồng/chứng quyền)<br><i>Offering price (VND/warrant)</i> | Số lượng chứng quyền chào bán<br><i>Number of warrants offered</i> | Số lượng chứng quyền đăng ký mua<br><i>Number of warrants subscribed for purchase</i> | Số lượng chứng quyền được phân phối<br><i>Number of warrants of distributed</i> | Số người đăng ký mua<br><i>Number of people who registered to buy</i> | Số người được phân phối<br><i>Number of people allocated</i> | Số chứng quyền chưa phân phối<br><i>Number of undistributed warrants</i> | Tỷ lệ chứng quyền phân phối<br><i>Distribution warrant ratio</i> |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 1. Nhà đầu tư cá nhân, trong đó:<br><i>1. Individual investors, including:</i> | 2.468                                                                  | 12.000.000                                                         | 6.000                                                                                 | 6.000                                                                           | 1                                                                     | 1                                                            | 11.994.000                                                               | 0,05%                                                            |
| - Nhà đầu tư trong nước<br><i>- Domestic investors</i>                         |                                                                        |                                                                    | 6.000                                                                                 | 6.000                                                                           | 1                                                                     | 1                                                            |                                                                          | 0,05%                                                            |
| - Nhà đầu tư nước ngoài<br><i>- Foreign investors</i>                          |                                                                        |                                                                    | 0                                                                                     | 0                                                                               | 0                                                                     | 0                                                            |                                                                          | 0%                                                               |

| Đối tượng mua chứng quyền<br><i>Buyers of warrants</i>                               | Giá chào bán (đồng/chứng quyền)<br><i>Offering price (VND/warrant)</i> | Số lượng chứng quyền chào bán<br><i>Number of warrants offered</i> | Số lượng chứng quyền đăng ký mua<br><i>Number of warrants subscribed for purchase</i> | Số lượng chứng quyền được phân phối<br><i>Number of warrants of distributed</i> | Số người đăng ký mua<br><i>Number of people who registered to buy</i> | Số người được phân phối<br><i>Number of people allocated</i> | Số chứng quyền chưa phân phối<br><i>Number of undistributed warrants</i> | Tỷ lệ chứng quyền phân phối<br><i>Distribution warrant ratio</i> |
|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 2. Nhà đầu tư có tổ chức, trong đó:<br><i>2. Institutional investors, including:</i> |                                                                        |                                                                    | 0                                                                                     | 0                                                                               | 0                                                                     | 0                                                            |                                                                          | 0%                                                               |
| - Nhà đầu tư trong nước<br><i>- Domestic investors</i>                               |                                                                        |                                                                    | 0                                                                                     | 0                                                                               | 0                                                                     | 0                                                            |                                                                          | 0%                                                               |
| - Nhà đầu tư nước ngoài<br><i>- Foreign investors</i>                                |                                                                        |                                                                    | 0                                                                                     | 0                                                                               | 0                                                                     | 0                                                            |                                                                          | 0%                                                               |
| <b>Tổng cộng</b><br><i>Total</i>                                                     |                                                                        | 12.000.000                                                         | 6.000                                                                                 | 6.000                                                                           | 1                                                                     | 1                                                            | 11.994.000                                                               | 0,05%                                                            |

### III. Tổng hợp kết quả phân phối chứng quyền có bảo đảm/Summary of the results of the distribution of covered warrants

1. Tổng số chứng quyền có bảo đảm đã phân phối: 6.000 chứng quyền, chiếm 0,05% tổng số chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán.

1. Total number of covered warrants distributed: 6,000 warrants, representing 0.05% of the total number of covered warrants authorized for offering.

2. Tổng số tiền thu từ việc bán chứng quyền có bảo đảm: 14.808.000 đồng (có xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền có bảo đảm đính kèm).

2. Total proceeds from the sale of covered warrants: VND 14,808,000 (with confirmation from the bank where the blocked account for receiving funds from the purchase of covered warrants attached).

3. Tổng chi phí: 0 đồng

3. Total cost: VND 0

- Phí bảo lãnh phát hành: 0 đồng

- Underwriting fee: VND 0,000

- Phí phân phối chứng quyền có bảo đảm: 0 đồng

- Fee for distributing covered warrants: VND 0,000

4. Tổng thu ròng từ đợt phân phối: 14.808.000 đồng

4. Total net revenue from the distribution: VND 14,808,000

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS



Nguyễn Duy Khoa



100

100